TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ T** TỈNH ANGIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 369/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 9 – 2018
"V/v ly hôn giữa chị Nh và anh L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trương Phú Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án thụ lý số: 325/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc Nh – Sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 17, ấp Phú Th, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn Phước L – Sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 13, ấp Phú Th, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc Nh trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 2011 chị và anh Trương Văn Phước L tìm hiểu về tình cảm và hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh lộc không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về nhà gây chuyện với chị, vì thương con chị nhẫn nhịn và cam chịu, ly thân nhiều lần rồi trở lại sống chung, từ tháng giêng năm 2018 đến nay ly thân, không hàn gắn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn Phước L.

Tại văn bản ngày 18/9/2018 bị đơn anh Trương Văn Phước L trình bày như

trình bày trên của chị Nh, nhưng mâu thuẫn do thỉnh thoảng anh có uống rượu với bạn bè, Nh trách móc, từ đó vợ chồng cự cãi, ly thân nhiều lần rồi chung sống trở lại, từ tháng giêng năm 2018 đến nay ly thân. Nay chị Nh xin ly hôn, anh đồng ý.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Quốc A, sinh ngày 09/01/2012 đang sống với anh L và Trương Huỳnh A, sinh ngày 19/7/2014 đang sống với chị Nh. Chị Nh yêu cầu tiếp tục nuôi con Trương Huỳnh A, giao anh L tiếp tục nuôi Trương Quốc A, chị Nh không cấp dưỡng nuôi con, anh L đồng ý tiếp tục nuôi con Trương Quốc A và giao con Trương Huỳnh A cho chị Nh nuôi, anh không cấp dưỡng.

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị Ngọc Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn Phước L, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nh và anh L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nh và anh L.

[2] Chị Nh và anh L chung sống như vợ chồng năm 2011, thời điểm này chị Nh 17 tuổi, anh L 15 tuổi, hai bên chưa đủ tuổi kết hôn theo luật định, nhưng căn cứ vào điểm d.1. khoản 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định "*Nếu đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật cả hai bên đến tuổi kết hôn, trong thời gian đã qua họ chung sống bình thưởng đã có con, có tài sản chung thì không quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Nếu mới phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì Tòa án thụ lý để giải quyết ly hôn theo thủ tục chung"*, do đó Tòa án không hủy việc kết hôn do không đủ tuổi, mà vẫn giải quyết ly hôn theo thủ tục chung.

[3] Tuy nhiên, khi đủ tuổi kết hôn chị Nh và anh L cũng không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp, căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận Huỳnh Thị Ngọc Nh và Trương Văn Phước L là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung: Chị Nh và anh L thỏa thuận chị Nh được trực tiếp nuôi cháu Trương Huỳnh A, anh L trực tiếp nuôi cháu Trương Quốc A, hai bên không cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận thỏa thuận của hai bên,

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình chị Nh và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về chia tài sản: Không có, nên Tòa án không đề cập.

[7] Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án chị Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận Chị Huỳnh Thị Ngọc Nh và anh Trương Văn Phước L là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Trương Quốc A, sinh ngày 09/01/2012 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Quốc A đang sống với anh Lộc; giao con chung tên Trương Huỳnh A, sinh ngày 19/7/2014 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Huỳnh A đang sống với chị Nh. Anh L và chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh L và chị Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh

nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Ngọc Nh phải chịu 150.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0016905 ngày 18/9/2018, còn lại 150.000đ hoàn trả cho chị Nh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Kim Phương